

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên Tổ chức** : Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha
– Mã chứng khoán : ASP
– Địa chỉ trụ sở chính : P.805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 03, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
– Điện thoại : 028 54136338 Fax: 028 54136340
– Website : <https://anphapetrol.com> Email: hungnm@anphapetrol.com
– Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (ASP) số: 02/2024/HĐQT.NQ-ASP về việc Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.

- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha vào ngày 11/01/2024 tại đường dẫn <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- NQ số 02/2024/HĐQT.NQ-ASP
ngày 11/01/2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TKCT

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người UQ CBTT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
AN PHA
QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH
NGÔ MẠNH HÙNG

Số: 02/2024/HĐQT.NQ-ASP

TP HCM, ngày 11 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: Ban hành Quy chế Công bố thông tin của
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ - SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02 /01 /2024 về việc Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Hội đồng Quản trị quyết định thông qua việc ban hành “Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha”.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua toàn văn tại cuộc họp, là cơ sở để thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.
- Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhân:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT/TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV. HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
AN PHA

TRẦN MINH LOAN

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ	5
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin.....	6
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin	6
Điều 5. Phương tiện công bố thông tin	7
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin	8
Chương II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	8
Mục 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ	8
Điều 7. Công bố báo cáo tài chính năm.....	8
Điều 8. Thông tin báo cáo tài chính bán niên	8
Điều 9. Báo cáo tài chính quý.....	9
Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính.....	9
Điều 11. Công bố Báo cáo thường niên	9
Điều 12. Công bố Thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty.....	9
Điều 13. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	10
Điều 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty	10
Điều 15. Gửi danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ	11
Mục 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG	11
Điều 16. Công bố thông tin bất thường 24 giờ	11
Điều 17. Công bố thông tin về ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	14
Điều 18. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp khác	14
Mục 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU	14
Điều 19. Công bố thông tin theo yêu cầu	14
Mục 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC	14
Điều 20. Công bố thông tin phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng	15
Điều 21. Mua lại cổ phiếu theo phương thức chào mua công khai.....	16
Điều 22. Báo cáo và công bố thông tin mua lại cổ phiếu.....	15

Điều 23. Thay đổi việc mua lại cổ phiếu	16
Điều 24. Báo cáo và công bố thông tin bán cổ phiếu quỹ	17
Chương III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:	17
Điều 25. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.....	17
Điều 26. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	18
Chương IV: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN	19
Điều 27. Tổ chức công bố thông tin.....	19
Điều 28. Quy trình công bố thông tin.....	19
Điều 29. Bảo quản và lưu giữ thông tin.....	21
Chương V XỬ LÝ VI PHẠM	21
Điều 30. Xử lý vi phạm	21
Chương VI ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN	21
Điều 31. Hiệu lực thi hành.....	21
Điều 32. Tổ chức thực hiện.....	22
Phụ lục: Sơ đồ Quy trình công bố thông tin của Cty CP Tập đoàn Dầu khí An Pha.....	23

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2024/HĐQT.NQ-ASP
ngày tháng năm 2024 của HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha)

Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha khi tham gia thị trường chứng khoán.
- Đối tượng áp dụng:
 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;
 - Nhà đầu tư, cổ đông, nhóm cổ đông thuộc đối tượng công bố thông tin.
 - Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

ĐIỀU 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- UBCKNN là chữ viết tắt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- SGDCK là chữ viết tắt của Sở giao dịch Chứng khoán nơi Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha có cổ phiếu niêm yết
- Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.
- HĐQT là chữ viết tắt của Hội đồng quản trị.
- Đối tượng công bố thông tin là các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này.
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
 - Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.
- Người Nội bộ của Công ty là:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên HĐQT;
 - Thành viên Ủy ban kiểm toán;
 - Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc; Cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- d) Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng;
 - e) Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty;
 - f) Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký công ty
 - g) Các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
8. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 9. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.
 10. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.
 11. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.
 12. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại Nghị định số: 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.
 13. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
 14. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
 15. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
 16. Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán.
 17. Thông tư 96/2020/TT-BTC là Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 18. Thông tư 118/2020/TT-BTC là Thông tư số: 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

ĐIỀU 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:
 - a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

- b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;
 - c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh thư nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý. chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
2. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 (hai) bản tài liệu, trong đó 01 (một) bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 (một) bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.
 3. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 (mười) năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 (năm) năm;
 - b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 (năm) năm.
 4. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt.

ĐIỀU 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.
 - a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;
 - b) Công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư là cá nhân thuộc đối tượng công bố thông tin tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này nếu ủy quyền cho Công ty công bố thông tin thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

ĐIỀU 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện Công ty sử dụng công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
 - c) Trang thông tin điện tử của SGDCK;
 - d) Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).
2. Công ty sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:
 - a) Công ty phải báo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi trang thông tin điện tử này;
 - b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật;
 - c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

ĐIỀU 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác.). Công ty báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Mục 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

ĐIỀU 7. Công bố Báo cáo tài chính năm

1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc sau:
 - a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - b) Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong các trường hợp quy định tại Điều 9 dưới đây
2. Thời hạn công bố:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và văn bản giải trình (nếu có) phải được công bố trong **thời hạn 10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng **không vượt quá 90 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐIỀU 8. Thông tin Báo cáo Tài chính bán niên

1. Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.
 - a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp quy định tại Điều 9 dưới đây
2. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong **thời hạn 05 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng **không được vượt quá 60 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

ĐIỀU 9. Báo cáo Tài chính Quý

1. Công ty phải công bố báo cáo tài chính Quý

- a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này. Toàn văn báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ.
- b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:
Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong **thời hạn 30 ngày** kể từ ngày kết thúc quý.

ĐIỀU 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính

Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Điều 7, Điều 8, Quy chế này Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố;
- Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra kết luận soát xét không phải là kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

ĐIỀU 11. Công bố Báo cáo thường niên

1. Báo cáo thường niên được lập theo Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
2. Thời hạn công bố **chậm nhất là 20 ngày** sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng **không vượt quá 110 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

ĐIỀU 12. Công bố Thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC.
Ngoài ra, Công ty phải gửi Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty 06 tháng đầu năm và cả năm dương lịch gửi đến SGDCK các tài liệu sau:
 - a) Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK
 - b) Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel.

2. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty **trong thời hạn 30 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

ĐIỀU 13. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông **tối thiểu 20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông
Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);
3. Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trong **thời hạn 24 giờ** kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty.

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.
Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài
Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, SGDCK, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ
 - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
 - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

ĐIỀU 15. Gửi danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ

Công ty gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm **6 tháng đầu năm** và **6 tháng cuối năm** dương lịch cho SGDCK.

Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/05, gửi tới SGDCK chậm nhất là **ngày 10/06**;

Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/11, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 10/12, theo Mẫu CBTT/SGDHCM-04 và một bản dữ liệu điện tử định dạng file excel kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK.

Mục 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

ĐIỀU 16. Công bố thông tin bất thường 24 giờ

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong **thời hạn 24 giờ**, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
 - b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
 - c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
 - d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
 - e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

- f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
- i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;
- j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
 - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;
- k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC;
- l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;

- m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;
 - n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
 - o) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
 - p) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
 - q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;
 - r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.
2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
- a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 13 Quy chế này;
 - b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản **tối thiểu 10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu
- a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu **tối thiểu 10 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
 - b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông **tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng** dự kiến.
5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác
- Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

ĐIỀU 17. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, SGDCK, báo cáo UBCKNN, đồng thời Công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này.

Trường hợp Công ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của SGDCK, Công ty gửi thông báo bằng văn bản cho SGDCK nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung thông báo.

Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, công ty gửi cho SGDCK các tài liệu sau:

- a) Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK.
- b) Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

ĐIỀU 18. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp khác

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- b) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- c) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

Mục 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

ĐIỀU 19. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Mục 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

ĐIỀU 20. Công bố thông tin phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

1. Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng;
2. Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:
 - a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại Điều 7, điều 11 và Điều 13 Quy chế này;
 - b) Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, công ty phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:
 - Công ty phát hành trái phiếu ra công chúng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Định kỳ 06 tháng, Công ty phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.
 - c) Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;
 - d) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có);
 - e) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, công ty phải gửi thu thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;
 - f) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 19 Quy chế này.

ĐIỀU 21. Mua lại cổ phiếu theo phương thức chào mua công khai

Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình theo phương thức chào mua công khai phải tuân thủ quy định về chào mua công khai cổ phiếu tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu bao gồm:

1. Tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 85 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
2. Tài liệu theo quy định tại điểm đ, e, g khoản 1 Điều 9 Thông tư 118/2020/TT-BTC.

ĐIỀU 22. Báo cáo và công bố thông tin mua lại cổ phiếu.

1. Công ty thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin, thực hiện mua lại và báo cáo kết quả mua lại cổ phiếu theo quy định tại khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 37 Luật Chứng khoán. Nội dung công bố thông tin được thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 36 Thông tư 118/2020/TT-BTC. Nội dung báo cáo kết quả mua lại cổ phiếu được thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 39 Thông tư 118/2020/TT-BTC.
2. Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu **sau 07 ngày làm việc** kể từ ngày báo cáo UBCKNN và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK theo Mẫu tại Phụ lục số 36 Thông tư 118/2020/TT-BTC. **Trong thời hạn 10 ngày** kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo Mẫu tại Phụ lục số 39 Thông tư 118/2020/TT-BTC.

ĐIỀU 23. Thay đổi việc mua lại cổ phiếu

1. Công ty không được thay đổi ý định hoặc phương án mua lại cổ phiếu như đã báo cáo và công bố thông tin ra công chúng, trừ trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh và những trường hợp khác) phải được UBCKNN chấp thuận.
2. **Trong thời hạn 24 giờ** kể từ khi ra quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu, công ty phải báo cáo UBCKNN, đồng thời thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về quyết định thay đổi theo Mẫu tại Phụ lục số 37 Thông tư 118/2020/TT-BTC.
3. UBCKNN có ý kiến về việc thay đổi phương án mua lại cổ phiếu trong **thời hạn 03 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được báo cáo thay đổi.
4. **Trong thời hạn 24 giờ** kể từ khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi phương án mua lại cổ phiếu, công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về việc thay đổi phương án mua lại cổ phiếu theo Mẫu tại Phụ lục số 38 Thông tư 118/2020/TT-BTC.

ĐIỀU 24. Báo cáo và công bố thông tin bán cổ phiếu quỹ

Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình trong các trường hợp theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán thực hiện bán cổ phiếu như sau:

1. Công ty được bán cổ phiếu quỹ **sau 24 giờ** kể từ khi gửi Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đến UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng.
2. Công ty phải hoàn thành việc bán cổ phiếu quỹ trong **vòng 10 ngày** làm việc kể từ ngày báo cáo UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng về việc bán cổ phiếu quỹ theo Mẫu tại Phụ lục số 36 Thông tư 118/2020/TT-BTC.
3. **Trong thời hạn 10 ngày** kể từ ngày kết thúc giao dịch bán cổ phiếu quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty phải gửi Báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo Mẫu tại Phụ lục số 39 Thông tư 118/2020/TT-BTC.

Chương III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 25. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty, UBCKNN và SGDC (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC **trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho công ty, UBCKNN và SGDC (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) **trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Thông tư 96/2020/TT-BTC.
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu.
6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong **thời hạn 03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

ĐIỀU 26. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của công ty và Người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
 - a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch **tối thiểu 03 ngày làm việc**, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV Thông tư 96/2020/TT-BTC;
 - b) Thời hạn thực hiện giao dịch **không được quá 30 ngày**, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;
 - c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
 - d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;
 - e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC;

- f) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này.
3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này.
4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.
5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Chương IV: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 27. Tổ chức công bố thông tin

1. Thông tin Công ty có nghĩa vụ công bố
 - a) Công bố thông tin định kì được thực hiện theo một quy trình đảm bảo thông tin luôn được công bố kịp thời, đúng quy định;
 - b) Các thông tin bất thường về thời gian nhưng thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng được thực hiện theo một quy trình có thể kiểm soát.
 - c) Các thông tin bất thường khác và thông tin công bố theo yêu cầu phải có quy định xử lý từ khi tiếp nhận thông tin đến khi công bố thông tin.
2. Các thông tin Công ty tiếp nhận từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố
 - a) Công ty lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân, nhóm người sở hữu 5% số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết để theo dõi nghĩa vụ công bố thông tin.
 - b) Công ty lập, lưu trữ danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan người nội bộ. Danh sách và thông tin được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi.

- c) Việc tiếp nhận, xử lý thông tin từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố ở Điểm a, b Khoản này và các đối tượng khác, sau đó Công ty thực hiện công bố theo quy định phải được xác lập bằng một quy trình có thể kiểm soát.

ĐIỀU 28. Quy trình công bố thông tin

1. Tiếp nhận yêu cầu công bố thông tin

- a) Thông tin định kỳ đã được xác lập về thời gian và giao cho từng cá nhân, đơn vị cụ thể có trách nhiệm xử lý thông tin.
- b) Việc tiếp nhận từng loại thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu phải công bố phải được giao cụ thể cho từng đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận. Khi có thông tin đến, bất cứ cá nhân, đơn vị nào tiếp nhận cũng phải được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận để xử lý chuyên tiếp.

2. Xử lý thông tin

- a) Xử lý thông tin là quá trình tạo ra thông tin để công bố.
- b) Các cá nhân, đơn vị được giao trách nhiệm xử lý thông tin: Bao gồm các đối tượng công bố thông tin, và các cá nhân, bộ phận trong Công ty mà các cá nhân, đơn vị này được giao nhiệm vụ tạo ra các thông tin, thực hiện xử lý các thông tin (mà các thông tin này Công ty có nghĩa vụ phải công bố theo quy định hiện hành) có quyền yêu cầu trong nội bộ Công ty cũng như các đơn vị có vốn góp của Công ty, hoặc các đối tượng liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.
- c) Thông tin sau khi xử lý phải được người có trách nhiệm phê duyệt.
- d) Thông tin phải có định dạng sau:
- Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật;
 - File dữ liệu điện tử:
 - *File có định dạng DOC và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;*
 - *File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ ký và dấu màu đỏ của Công ty.*

3. Gửi thông tin công bố

- a) Thông tin sau khi được phê duyệt công bố, thông tin được chuyển đến Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền công bố thông tin.
- b) Bộ phận Gửi thông tin công bố tới UBCKNN/Sở GDCK như sau:
- Kế toán trưởng Công ty: Gửi công bố các thông tin về báo cáo tài chính quý/năm/bán niên, năm,.. và các giải trình liên quan
 - Người được ủy quyền công bố thông tin: Gửi công bố các thông tin còn lại hoặc gửi các văn bản yêu cầu phản hồi, giải trình, cung cấp thông tin của UBCKNN/Sở GDCK và các cơ quan QLNN khác khi được yêu cầu.

- c) Thông tin văn bản được gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại trụ sở UBCKNN, SGDCK đồng thời gửi thông tin dưới dạng file điện tử cho UBCKNN, SGDCK theo hình thức được quy định. Trong trường hợp khẩn cấp, thông tin văn bản có thể gửi qua fax và đồng thời gửi bản chính cho UBCKNN, SGDCK.
- d) Bộ phận truyền thông thuộc Văn phòng của Công ty đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại chuyên mục "Quan hệ cổ đông". Trong chuyên mục "Quan hệ cổ đông" có các tiểu mục được quy định cho từng loại thông tin cụ thể.

4. Kiểm tra, nhận phản hồi

- a) Đơn vị xử lý thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố, thì phải báo cáo cho Tổng Giám đốc và Người được uỷ quyền công bố thông tin.
- b) Trường hợp bên nhận thông tin do Công ty công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đơn vị có trách nhiệm xử lý báo cáo Tổng Giám đốc và Người được uỷ quyền công bố thông tin, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin.

ĐIỀU 29. Bảo quản và lưu giữ thông tin

1. Về nguyên tắc chung việc lưu giữ các thông tin được công bố là vô thời hạn hoặc tuân thủ theo các quy định riêng của từng loại thông tin. Việc huỷ thông tin theo một thời hạn nhất định (nếu có) phải đảm bảo điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này. Việc huỷ thông tin trên các phương tiện công bố thông tin không đồng nhất với việc huỷ thông tin(gốc).
2. Các thư điện tử dùng để gửi thông tin chỉ được xoá khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin.
3. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu giữ tại nơi soạn thảo hồ sơ, Văn phòng Công ty và đơn vị xử lý thông tin.
4. Việc lưu trữ thông tin phải đảm bảo khả năng truy cập nhanh chóng khi cần đến.

Chương V: XỬ LÝ VI PHẠM

ĐIỀU 30. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin sẽ bị xem xét xử lý theo quy định tại Điều 42 Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Tổ chức, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến các hậu quả gây thiệt hại cho Công ty, làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xem xét xử lý theo các quy định hiện hành của Công ty.

Chương VI: ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

ĐIỀU 31. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

ĐIỀU 32. Tổ chức thực hiện

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên website của Công ty để các cổ đông được biết.
2. Trường hợp SGDCK có hướng dẫn chi tiết cách thức công bố thông tin áp dụng cho các đối tượng công bố thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và hệ thống công bố thông tin của SGDCK thì quy trình thực hiện công bố thông tin phải thực hiện theo hướng dẫn của SGDCK.
3. Trường hợp có các quy định pháp luật về công bố thông tin chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này thì phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin được nêu tại các quy định pháp luật đó.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Chủ tịch Hội đồng quản trị tổng hợp, xem xét trình HĐQT xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TY. HĐQT KIỂM TỐN GIÁM ĐỐC**



Trần Minh Loan

PHỤ LỤC:

Sơ đồ Quy trình công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

